

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2020

“*V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị L và anh S*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Xuân Quỳ

2/ Ông Trần Thanh Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Quốc phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “xin ly hôn và nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 142/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Bùi Quốc S, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

1.1 Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Quốc S là tự nguyện, sau thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý nên chị L và anh S tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc Ấp T, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, hôn nhân không hạnh phúc do anh S không lo làm ăn mà chỉ biết tụ

tập bạn bè ăn nhậu, cờ bạc và có quan hệ với người con gái khác bên ngoài rồi bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ, con. Nay nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh S nên chị L yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Bùi Quốc S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Bùi Thị Tú A, sinh năm 2005; Bùi Quốc H, sinh năm 2010. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Quốc S: Được Tòa án triệu tập tham gia các phiên hoà giải, phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về Tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do hôn nhân giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, chị L kiên quyết xin ly hôn với anh S. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị chấp nhận cho ly hôn giữa chị L và anh S. Về nuôi con chung: Các con chung của chị L và anh S có nguyện vọng sống chung với chị L, đồng thời chị L cũng xin được quyền tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án giao các con Bùi Thị Tú A, sinh năm 2005; Bùi Quốc H, sinh năm 2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho ly hôn với anh Bùi Quốc S và yêu cầu được nuôi con chung. Xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cờ Đỏ nên thẩm quyền giải quyết thuộc tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Bùi Quốc S là bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt đối với anh S.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Quốc S có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S xuất phát từ việc anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, đam mê cờ bạc, bên cạnh đó anh S có dấu hiệu không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, từ đó mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh S ngày càng trầm trọng, do không còn tình cảm với nhau nên chị L kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Quốc S.

[5] Về nuôi con chung: Xét cháu Bùi Thị Tú A, Bùi Quốc H là con chung của chị L và anh S, có nguyện vọng sống với chị L đồng thời chị L cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao quyền nuôi các con chung cho chị L theo quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh S không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu Toà án xem xét buộc anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu toà án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Toà án không xem xét về tài sản chung.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị L và anh S, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Bùi Quốc S.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Quốc S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Tú A, sinh năm 2005; Bùi Quốc H, sinh năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Bùi Quốc S theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013176 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Hưng;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS, VT, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đăng Khoa